TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 286/2024/DSST
Ngày: 16/7/2024
V/v tranh chấp *"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Kiều Oanh**;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Đăng Khoa;**
2. Bà **Nguyễn Thị Thanh Thảo;**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phan Thanh Sang** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tỉnh Tiền Giang: Không tham gia.

Ngày 16 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 88/2024/TLST- DS ngày 26 tháng 03 năm 2024 về tranh chấp "Hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2024/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 112/2024/QĐST – DS ngày 28 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Huỳnh Thị Thanh T, sinh năm 1972

Địa chỉ: Khu phố 5, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: Đỗ Thị Thu N, sinh năm 1985 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố 5, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Lê Văn Thặng, sinh năm 1955 (vắng mặt)

Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1956 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã B1, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thanh T là chị Đỗ Thị Thu N có đơn xin vắng mặt, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án chị N trình bày:

Ông T1và bà Đ có mua vật liệu xây dựng để cất nhà ở còn nợ 35.760.000đ, bà Đ có đại diện cho vợ chồng bà ghi và ký nhận số nợ trên, sau đó có trả được 25.760.000đ, nợ lại 10.000.000đ nhưng bà T đòi nợ nhiều lần cũng không trả.

Yêu cầu Toà án giải quyết:

Bà Huỳnh Thị Thanh T yêu cầu ông Lê Văn T1và bà Nguyễn Thị Đ cùng liên đới trả cho bà T số nợ là 10.000.000đ, không yêu cầu T lãi, thực hiện trả 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, không trình bày hay yêu cầu gì thêm khác.

* Bị đơn ông Lê Văn T1và bà Nguyễn Thị Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công bố, tiếp

cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Thanh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thảo luận của Hội đồng xét xử. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thanh T là chị Đỗ Thị Thu N có đơn xin vắng mặt, bị đơn ông Lê Văn T1và bà Nguyễn Thị Đ vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án theo quy định.

[2] *Về quan hệ tranh chấp*: Qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản".

[3] *Về nội dung*: Bà Huỳnh Thị Thanh T yêu cầu ông Lê Văn T1và bà Nguyễn Thị Đ cùng liên đới trả cho bà T số nợ là 10.0000.000đ, thực hiện trả 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ông T1và bà Đ có mua bán vật liệu xây dựng để cất nhà ở với bà T, có làm biên nhận và phía bà T có cung cấp biên nhận bản chính cho Tòa án. Trong suốt quá trình tố tụng, ông T1và bà Đ vắng mặt không đến Tòa án mặc dù được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, cũng như không gởi văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của bà T, chứng tỏ ông T1và bà Đ đã từ bỏ quyền lợi của mình, không phản đối gì đối với yêu cầu của bà T. Như vậy, bà T yêu cầu ông T1và bà Đ có nghĩa vụ liên đới trả 10.000.000đ tiền vốn là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Thời hạn trả nợ: Bà T yêu cầu trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[4] *Về án phí*: Ông T1và bà Đ thuộc diện người cao tuổi nên miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: các điều 35, 39, 91, 92, 147, 235, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 430, 357, 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Thanh T.

Buộc ông T1và bà Đ có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền vốn 10.000.000đ, ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí:

+ Ông T1và bà Đ thuộc diện người cao tuổi nên miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

+ Hoàn lại cho bà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0009334 ngày 26/03/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của

số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

"Trường hợp bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

Phan Thị Kiều Oanh